

Tuần : 05
Tiết : 11 -12

Ngày soạn : 04/10/2021
Ngày dạy : 06/10/2021

BÀI 10: CÁC THỂ CỦA CHẤT VÀ SỰ CHUYỂN THỂ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày và đưa ra được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
- Nêu được khái niệm, tiến hành được thí nghiệm và trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể của chất.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- NL tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, hiện tượng để tìm hiểu về đặc điểm thể của chất và sự chuyển thể.
- NL giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để bố trí và thực hiện thí nghiệm về tính chất của chất và sự chuyển thể.
- NL GQVĐ và sáng tạo: Giải quyết vấn đề nền nhà trơn trượt vào những ngày thời tiết nồm.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát và thí nghiệm.
- Đưa ra được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
- Nêu được các khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.
- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất.
- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ.
- Giải thích được các hiện tượng liên quan tới sự chuyển thể trong thực tế.

3. Về phẩm chất:

- Chăm học, chịu khó đọc SGK, tài liệu nhằm tìm hiểu về đặc điểm các thể cơ bản của chất.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ khi bố trí và thực hiện thí nghiệm.
- Trung thực trong khi thực hiện thí nghiệm, ghi chép và báo cáo kết quả thí nghiệm.

II. PHƯƠNG PHÁP-KỸ THUẬT DẠY HỌC:

- + Phương pháp: Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm. Nêu và giải quyết vấn đề.
- + Kỹ thuật: Động não; Thảo luận viết; Giao nhiệm vụ; Đặt câu hỏi...

III. CHUẨN BỊ

- **1. Giáo viên:** Gv chuẩn bị cho mỗi nhóm HS:
 - + Bộ TN để đo nhiệt độ sôi của nước: nước, cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế, đèn cồn.
 - + Bộ TN làm nóng chảy băng phiến: bột băng phiến, cốc thủy tinh chịu nhiệt, ống nghiệm, nhiệt kế, đèn cồn.

- Phiếu học tập

2. **Học sinh:** Xem lại bài học trước, tìm hiểu bài, chuẩn bị dụng cụ học tập.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

KHỞI ĐỘNG: Xác định vấn đề học tập.


a. **Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ba thể của chất là rắn, lỏng, khí và nhận thức được các vấn đề cần giải quyết trong bài học là: đặc điểm thể của chất và sự chuyển thể

b. **Nội dung:** - HS thảo luận nhóm để phân loại các vật thể đã cho thành 3 nhóm.

c. **Sản phẩm:** - HS phân loại được các vật thể thành 3 nhóm theo ba thể của chất trong vật thể:

Thể rắn	Thể lỏng	Thể khí
Con người, quả lê, quyển sách, mũ, máy tính, chuông, tên lửa, quả bóng đá, băng, màu sáp, bông hoa	Nước mưa, hồ dán nước, si-rô, soda, dầu hoả, sữa, nước chanh	Khí oxy, khói (lửa, tàu hoả), khí heli trong bóng bay, khí nóng trong kính khí cầu

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung						
<p>GV: Giới thiệu Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: HS: Tìm hiểu sgk + hiểu biết thực tế. HS thảo luận nhóm 4 HS để hoàn thành phiếu số 1 trong 2 phút: Phiếu số 1: - Phân loại các vật thể sau thành 3 nhóm.</p>  <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm 4 HS để hoàn thành phiếu số 1 trong 2 phút: Phiếu số 1: - Phân loại các vật thể sau thành 3 nhóm.</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Thể rắn</th> <th>Thể lỏng</th> <th>Thể khí</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> <p>Bước 3: HS báo cáo nhiệm vụ GV chỉ định 2 - 3 nhóm phát biểu. Thông qua câu trả lời của HS Gv nhận xét Bước 4: GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ. GV chuẩn xác hóa cho HS việc phân biệt các thể của chất.</p>	Thể rắn	Thể lỏng	Thể khí				
Thể rắn	Thể lỏng	Thể khí					

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu đặc điểm các thể cơ bản của chất

a. **Mục tiêu:** Học sinh trình bày được đặc điểm các thể cơ bản của chất thông qua quan sát và thí nghiệm.

b. Nội dung: HS đọc mục I SGK trang 36 và thực hiện thí nghiệm như hình 2.1, 2.2, 2.3 SGK trang 36 sau đó điền vào bảng các thông tin về đặc điểm các thể của chất.

c. Sản phẩm: Phiếu số 2

Thể	Có hình dạng xác định không?	Có khả năng lan truyền (hay khả năng chảy) như thế nào?	Có bị nén không?	Lấy 2 ví dụ về chất ở mỗi thể.
Thể rắn	Có	Không chảy được (không tự di chuyển)	Rất khó nén	Sắt, đá, giấy
Thể lỏng	Không	Có thể rót được và chảy tràn trên bề mặt	Khó nén	Nước, dầu ăn, thủy ngân trong nhiệt kế
Thể khí	Không	Dễ dàng lan toả trong không gian theo mọi hướng	Dễ bị nén	Không khí trong lớp xe, khí trong kính khí cầu, khí oxygen trong bình chứa

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cho HS nhận biết về chất ở các thể khác nhau. Ví dụ: sắt (thép), bê tông, đất, cát,... ở thể rắn có hình dạng cố định. Nước, dầu ăn,... ở thể lỏng ta cần dùng cốc hay bình để chứa nó. Không khí, hơi nước, ... ở thể khí ta cần giữ chúng trong các bình chứa kín. Từ đó, HS lấy được ví dụ về các chất ở thể rắn, lỏng, khí xung quanh ta. - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: HS tiếp tục làm việc theo nhóm 4 HS. Đọc SGK mục I trang 36 và thực hiện thí nghiệm như hình 2.1, 2.2, 2.3 SGK trang 36 để hoàn thiện bảng nhận xét trong phiếu số 2: - GV giao dụng cụ cho các nhóm thực hiện thí nghiệm về khả năng chịu nén của các thể: <ul style="list-style-type: none"> + 01 chiếc đĩa + 01 ống tiêm 10 ml (đã rút bỏ phần kim) + 01 cốc nước màu - Thời gian thực hiện thí nghiệm và thảo luận nhóm: 05 phút. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn HS. + Trình bày nội dung phiếu học tập số 2 <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời câu hỏi 	<p>I. Các thể của chất: thể rắn, thể lỏng, thể khí</p> <p>Nước có thể tồn tại ở thể rắn (nước đá, băng, tuyết), thể lỏng, thể khí (hơi nước).</p> <p>Mọi chất được tìm thấy trên Trái Đất cũng thường ở thể rắn, thể lỏng, hoặc thể khí.</p> <p>Ví dụ: đất đá ở thể rắn; xăng, dầu ở thể lỏng; không khí, hơi xăng ở thể khí. Cơ thể động vật</p>

<p>+ HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>Trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Chất ở thể rắn: gỗ, than, nến,...</p> <p>Chất ở thể lỏng: xăng, dầu ăn, tinh dầu...</p> <p>Chất ở thể khí: carbon dioxide, hơi nước,...</p> <p>2. Không thể dùng chất ở thể lỏng để tạo nên vật có hình dạng cố định.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>Các chất đều được cấu tạo bởi các “hạt” vô cùng nhỏ, không nhìn thấy bằng mắt thường và chú thích ở mục “Em có biết?”</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về liên kết giữa các hạt cấu tạo nên chất ở ba thể rắn, lỏng, khí? HS trả lời cá nhân.</p> <p>- GV chuẩn hoá câu trả lời.</p>	<p>có xương ở thể rắn, máu ở thể lỏng.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu sự chuyển thể của chất

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất.

- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ.

b. Nội dung:

- HS quan sát tranh, video để phát hiện ra các quá trình chuyển thể.

- HS tiến hành thí nghiệm và nêu được khái niệm của các quá trình chuyển thể.

c. Sản phẩm:

- Phiếu số 3:

1. Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất. Quá trình này xảy ra ở một nhiệt độ gọi là nhiệt độ nóng chảy.

2. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất. Quá trình này xảy ra ở một nhiệt độ gọi là nhiệt độ đông đặc.

3. Ở nhiệt độ thường, thủy ngân là chất lỏng.

4. Khi để cục đá ở nhiệt độ phòng, cục đá sẽ chảy thành nước vì nhiệt độ nóng chảy của nước đá là 0°C, thấp hơn nhiệt độ phòng.

5. Mùa hè: sự nóng chảy; mùa đông: sự đông đặc.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các tính chất của thể rắn và thể lỏng, từ đó yêu cầu HS mô tả sự chuyển thể từ thể rắn sang thể lỏng và từ thể lỏng sang thể rắn khi nhiệt độ thay đổi.</p> <p>+ Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong SGK phần II.1</p> <p>Hoạt động nhóm:</p> <p>- GV chia lớp làm 4 nhóm.</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm đọc SGK mục II trang 38, quan sát hình 2.4 a, b; thảo luận để trả lời các câu hỏi trong phiếu số 3:</p>	<p>II. Sự chuyển thể của chất</p> <p>1. Sự nóng chảy và sự đông đặc</p> <p>- Các chất khác cũng có thể chuyển từ thể rắn sang thể lỏng hoặc ngược lại.</p> <p>+ Quá trình chất</p>

1. Thế nào là sự nóng chảy? Sự nóng chảy xảy ra ở nhiệt độ nào?

2. Thế nào là sự đông đặc? Sự đông đặc xảy ra ở nhiệt độ nào?

3. Nhiệt độ nóng chảy của sắt, thiếc và thủy ngân lần lượt là 1538°C , 232°C , -39°C . Hãy dự đoán chất nào là chất lỏng ở nhiệt độ thường.

4. Khi để cục đá ở nhiệt độ phòng em thấy có hiện tượng gì? Tại sao?

5. Quan sát Hình 2.4 và trình bày sự chuyển thể đã diễn ra ở thác nước khi chuyển sang mùa hè (hình a) và khi chuyển sang mùa đông (hình b).

- GV tổ chức thảo luận nhóm, chỉ định các đại diện trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình.

- GV nhận xét câu trả lời của các nhóm rồi yêu cầu HS tiếp tục xem video về hành trình của một giọt nước và nêu các quá trình đã diễn ra.

<https://www.youtube.com/watch?v=PT5P4b3m4iI>

- GV yêu cầu HS đọc mục 2 SGK trang 40 và hoàn thành sơ đồ Venn trong phiếu số 4: So sánh sự bay hơi và sự ngưng tụ; sự bay hơi và sự sôi.

- GV tổ chức thảo luận nhóm, chỉ định các đại diện trình bày trước lớp câu trả lời của nhóm mình.

- Thông qua câu trả lời của HS, GV chuẩn hoá kiến thức

- GV giao nhiệm vụ các nhóm:

+ $\frac{1}{2}$ lớp thực hiện thí nghiệm “Theo dõi nhiệt độ của nước khi xảy ra sự sôi” theo hướng dẫn trong SGK 41

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS thảo luận trả lời câu hỏi

+ HS thực hiện thí nghiệm, viết kết quả

+ GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần

Trả lời câu hỏi:

1. Thủy ngân (mercury) là chất lỏng ở nhiệt độ thường.

2. Cục nước đá tan ra vì nhiệt độ phòng (25°C) cao hơn nhiệt độ nóng chảy của nước (0°C).

3. Vào mùa đông, nước trong thác nước bị đóng băng. Nước chuyển từ thể lỏng sang thể rắn. Khi sang mùa hè, băng lại tan ra. Nước đã chuyển từ thể rắn sang thể lỏng.

Kết quả thí nghiệm

Nhiệt độ không thay đổi trong suốt quá trình nước đá nóng chảy

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

+ Nhóm khác nhận xét.

ở thể rắn chuyển sang thể lỏng gọi là sự nóng chảy. Quá trình này xảy ra ở một nhiệt độ xác định gọi là nhiệt độ nóng chảy.

Ngược lại, quá trình chất chuyển từ thể lỏng sang thể rắn gọi là sự đông đặc. Quá trình này xảy ra ở một nhiệt độ xác định gọi là nhiệt độ đông đặc.

+ Mỗi chất nóng chảy và đông đặc ở cùng một nhiệt độ. Ví dụ, nước nóng chảy và đông đặc cùng ở 0°C .

Các nhóm ghi lại số liệu và trả lời các câu hỏi vào phiếu số 5.
thể, mô tả lại các quá trình chuyển thể của chất.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
+ GV đánh giá, nhận xét. Chốt kiến thức
- GV tổ chức thảo luận, đại diện các nhóm báo cáo kết quả quan sát và rút ra nhận xét.
- GV yêu cầu HS dựa vào sơ đồ tóm tắt quá trình chuyển

HOẠT ĐỘNG 2: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.....
- Vận dụng kiến thức đã học để phân biệt được các thể của chất.
- Giải thích được các hiện tượng liên quan tới sự chuyển thể trong thực tế.

b. Nội dung:

HS trả lời các câu hỏi sau:

1. Hoàn thành thông tin về các thể và tích dấu vào các đặc điểm của các vật thể theo mẫu bảng sau:

Vật thể	Thể	Hình dạng		Khả năng bị nén		
		Xác định	Không xác định	Dễ bị nén	Khó bị nén	Rất khó bị nén
Muối ăn	Rắn					
Không khí	Khí					
Nước khoáng	Lỏng					

2. Tại sao khi hà hơi vào mặt gương thì mặt gương bị mờ đi, sau một thời gian, mặt gương lại sáng trở lại?
3. Tại sao với các chai đựng dầu, xăng, rượu, nước hoa người ta khuyên đậy nắp sau khi sử dụng?

c. Sản phẩm:

Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Bài 1:

Vật thể	Thể	Hình dạng		Khả năng bị nén		
		Xác định	Không xác định	Dễ bị nén	Khó bị nén	Rất khó bị nén
Muối ăn	Rắn	√				√
Không khí	Khí		√	√		
Nước khoáng	Lỏng		√		√	

Bài 2: Khi hà hơi vào mặt gương, hơi nước trong hơi thở của ta gặp bề mặt gương lạnh hơn nên ngưng tụ tạo thành các hạt nước nhỏ li ti bám vào bề mặt gương nên ta thấy gương mờ đi.

Sau một thời gian, các hạt nước nhỏ đó bay hơi hết, mặt gương lại sáng trở lại.

Bài 3: Với các chai đựng dầu, xăng, rượu, nước hoa người ta khuyên đậy nắp sau khi sử dụng. Vì các chất lỏng đó bay hơi nhanh, nếu mở nắp thì các chất đó ở thể hơi dễ lan tỏa vào không khí và các chất lỏng sẽ nhanh cạn. Nếu đậy nắp thì có

bao nhiêu chất lỏng bay hơi thì sẽ có bấy nhiêu chất lỏng ngưng tụ làm cho các chất lỏng không bị cạn đi.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS làm thí nghiệm trong SGK, sau đó rút ra nhận xét. + Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong SGK</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS thực hiện thí nghiệm, viết kết quả + Thảo luận trả lời câu hỏi + GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần Trả lời câu hỏi: 1. Khi mở lọ nước hoa, một lát sau có thể ngửi thấy mùi nước hoa. Điều này thể hiện khả năng lan toả trong không gian theo mọi hướng của chất ở thể khí. 2. Nước từ nhà máy nước được dẫn đến các hộ dân qua các đường ống thể hiện tính chất chảy và lan truyền được của chất ở thể lỏng. 3. Ta có thể đi được trên mặt nước đóng băng đủ dày vì nước đóng băng ở thể rắn. Khi đó nước giữ hình dạng cố định, không bị nén và không bị chảy đi, nên có thể đứng, bước đi trên đó. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm báo cáo kết quả. + Nhóm khác nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét. Chốt kiến thức</p>	<p>* Tìm hiểu một số tính chất của chất ở thể rắn, lỏng khí Kết quả thí nghiệm: Về hình dạng: thể rắn có hình dạng cố định; thể lỏng có hình dạng của một phần vật chứa, thể khí chiếm đầy thể tích vật chứa. - Về khả năng chịu nén: chất rắn và chất lỏng không bị nén, chất khí có thể nén được dễ dàng.</p>

HOẠT ĐỘNG 4: Tìm hiểu về sự hóa hơi và sự ngưng tụ

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn, gợi mở cho HS hình dung lại những hiện tượng hoá hơi trong tự nhiên, rút ra kết luận về ảnh hưởng của nhiệt độ đến sự chuyển thể lỏng - hơi (nước hoa bay hơi, các chất có mùi trong hoa quả chín bay hơi nên ta ngửi thấy).

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS tìm các ví dụ trong thực tế về sự chuyển thể lỏng sang hơi và ngược lại của nước. Phân tích ví dụ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên. + GV yêu cầu HS mô tả sự chuyển thể từ thể lỏng sang thể hơi và ngược lại khi tăng, giảm nhiệt độ.</p>	<p>2. Sự hóa hơi và sự ngưng tụ - Quá trình chất chuyển từ thể hơi sang thể lỏng gọi là sự ngưng tụ. Ngược</p>

+ Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong SGK phần II.2

* Hoạt động nhóm:

- GV cho HS làm thí nghiệm *Theo dõi nhiệt độ nước trong quá trình nước sôi* trong SGK, sau đó rút ra nhận xét.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS thảo luận trả lời câu hỏi

+ HS thực hiện thí nghiệm, viết kết quả

Trả lời câu hỏi:

1. Điểm giống và khác nhau giữa sự bay hơi và sự ngưng tụ:

+ Điểm giống: xảy ra ở mọi nhiệt độ.

+ Điểm khác: ở sự bay hơi, xảy ra sự chuyển thể từ thể lỏng sang thể hơi; ở sự ngưng tụ xảy ra quá trình ngược lại.

2. Điểm giống và khác nhau giữa sự bay hơi và sự sôi.

+ Điểm giống: đều xảy ra sự chuyển thể từ thể lỏng sang thể hơi.

+ Điểm khác: sự sôi xảy ra tại nhiệt độ xác định còn sự bay hơi xảy ra tại mọi nhiệt độ.

Kết quả thí nghiệm

Trong quá trình nước sôi, nhiệt độ của nước không thay đổi.

+ GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

+ Nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét. Chốt kiến thức

lại, quá trình chất chuyển từ thể lỏng sang thể hơi gọi là sự hoá hơi.

+ Khi sự hoá hơi xảy ra trên bề mặt chất lỏng thì gọi là sự bay hơi, khi xảy ra cả trên bề mặt và trong lòng khối chất lỏng thì gọi là sự sôi.

+ Sự ngưng tụ và sự bay hơi xảy ra tại mọi nhiệt độ còn sự sôi chỉ xảy ra ở nhiệt độ sôi.

C. HOẠT ĐỘNG 5: Luyện tập.

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Câu 1. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

Trên Trái Đất, nước tồn tại ở các thể...(1)...

Nước ở sông, hồ, đại dương, ở thể ...(2)... Ở thể này, nước có khả năng ...(3)... nên có thể chảy từ sông vào biển.

Ở thể... (4)..., nước không có hình dạng cố định.

Khi nước ở thể... (5)... nó ... (6)... và ...(7)... Do đó khi bị đóng băng, nước sông sẽ không thể chảy ra biển. Ta có thể đi trên mặt nước sông đóng băng.

Câu 2. Kể tên những quá trình chuyển thể xảy ra ở nhiệt độ xác định mà em đã học.

Câu 3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các đoạn văn sau.

- Nhiệt độ nóng chảy của thiếc là 232 °C. Khi làm nguội thiếc lỏng đến ...(L)..., thiếc sẽ đông đặc. Ở nhiệt độ phòng, thiếc ở thể ...(2)...

Nhiệt độ sôi của helium là -268°C. Ở nhiệt độ phòng helium ở thể ...(3)...

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời

Câu 1. Trên Trái Đất, nước tồn tại ở các thể rắn, lỏng và khí.

Nước ở sông, hồ, đại dương, ở thể lỏng. Ở thể này, nước có khả năng chảy tràn trên bề mặt nên có thể chảy từ sông vào biển.

Ở thể khí, nước không có hình dạng cố định.

Khi nước ở thể rắn, nó có hình dạng cố định và không chảy lan. Do đó khi bị đóng băng, nước sông sẽ không thể chảy ra biển. Ta có thể đi trên mặt nước sông đóng băng.

Câu 2: Nóng chảy, đông đặc, sôi

Câu 3: (1) 232⁰C (2) rắn (3) khí

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

VẬN DỤNG 1.

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Bài thực hành của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ Giải thích vì sao chất làm bình chứa phải ở thể rắn?

+ Trình bày được sự nóng chảy, hoá hơi, ngưng tụ, đông đặc trong vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất.

- HS thảo luận trả lời câu hỏi

VẬN DỤNG 2.

a. Mục tiêu:

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh thông qua nhiệm vụ: Giải quyết vấn đề nền nhà trơn trượt vào những ngày thời tiết nồm.

b. Nội dung:

- HS phát hiện vấn đề: Nền nhà trơn trượt vào những ngày thời tiết nồm.

- HS giải thích được hiện tượng nền nhà trơn trượt vào những ngày thời tiết nồm.

- Đề xuất được biện pháp giải quyết vấn đề.

- Chứng minh được tính hiệu quả của các biện pháp đó.

c. Sản phẩm:

- Giải thích hiện tượng: Vào những ngày trời nồm, không khí có chứa nhiều hơi nước (độ ẩm cao). Sự chênh lệch nhiệt độ giữa nền nhà và lớp không khí bao quanh khiến hơi nước trong không khí bị ngưng tụ tạo thành những hạt nước nhỏ gây ẩm ướt, trơn trượt cho nền nhà.

- Biện pháp giải quyết:

+ Đóng kín cửa, hạn chế không khí ẩm vào nhà.

+ Thỉnh thoảng, lau nhà bằng khăn bông khô.

+ Chụp ảnh minh chứng kết quả khi áp dụng biện pháp trên.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao cho học sinh thực hiện ở nhà và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào tháng 2, 3.